

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 84 /2022/DS-ST

Ngày 28 / 12 /2022.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

[1]. Bà Nguyễn Thị Thu Hương ;

[2]. Bà Võ Thị Ngọc ;

- **Thư ký phiên tòa:** bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2022/DS-ST, ngày 03/10/2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 282 /2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : chị Nguyễn T L, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã B , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: bà Lê Thị T N, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã B , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 14/6/2017 (âm lịch) bà Lê Thị T N có vay tiền của nguyên đơn số tiền 101.300.000đ, khi vay có viết giấy tay bà Nga ký nhận, hẹn khi nào bị đơn bán nhà thì sẽ trả tiền, vay không có lãi, bị đơn đã bán nhà từ tháng 2/2022 đến nay nhưng vẫn không trả nợ.

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 101.300.000đ và tiền lãi từ ngày vay đến nay, số tiền 51.044.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu trả lãi từ ngày 01 tháng 9 năm 2022 đến nay.

Bị đơn bà Lê Thị T N vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày: Bà có ký giấy vay tiền của nguyên đơn chị Nguyễn T L là đúng, tuy nhiên đây là tiền

chơi hụi, nhưng bà không có gì chứng minh. Số tiền 101.300.000đ đã bao gồm cả tiền lãi nhưng bà không có gì chứng minh. Các bên có thỏa thuận khi nào tôi bán nhà thì sẽ trả tiền là đúng, con tôi bán xong vào tháng 9/2022 là đúng, nhưng vì làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

- [1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.
- [2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- [3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền vay 101.300.000đ.

Xét thấy theo giấy vay tiền ngày 14/6/2017 (âm lịch) mà nguyên đơn cung cấp thì bị đơn thừa nhận là đúng, số tiền vay là đúng, đến nay chưa trả được, tuy nhiên bị đơn cho rằng đây là tiền chơi hụi.

Xét thấy nguyên đơn không thừa nhận đây là tiền chơi hụi, bị đơn không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh tiền chơi hụi. Trong giấy viết tay ghi rõ nội dung (Giấy mượn tiền, và số tiền đã nhận). Như vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền đã vay 101.300.000đ.

Về tiền lãi: Khi vay không thỏa thuận về lãi suất, bị đơn cho rằng trong số tiền trên bao gồm có cả tiền gốc và lãi, nhưng không xác định gốc và lãi là bao nhiêu và cũng không có bất cứ tài liệu gì chứng minh, vì vậy bị đơn cho rằng trong số tiền trên bao gồm có cả tiền gốc và lãi là không có căn cứ.

Nguyên đơn yêu cầu trả lãi chậm trả kể từ ngày 01/9/2022 là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 4 điều 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận, cụ thể từ ngày 01/9/2022 đến nay 28/12/2022 là 2 tháng 27 ngày của số tiền vay 101.300.000đ và tính như sau:

$$101.300.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 2 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 2.497.045đ.$$

Tổng cộng cả gốc và lãi 103.797.045đ , cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn.

- [4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn nộp án phí theo luật định, tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 103.797.045đ nên tiền án phí là $103.797.045đ \times 5\% = 5.189.852đ$.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.808.600đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000625 ngày 03/10/2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị T N trả cho nguyên đơn chị Nguyễn T L số tiền gốc 101.300.000đ, tiền lãi 2.497.045đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 103.797.045đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn bà Lê Thị T N nộp tiền án phí DSST là 5.189.852đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Nguyễn T L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.808.600đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000625 ngày 03/10/2022.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

